

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2021

“V/v: Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- 1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn H.
- 2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Bà Vũ Thị T;

2.2. Ông Lê Quang T.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 65/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1979, *có mặt*.

Quê quán, HKTT và hiện trú tại: Thôn A T, xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1986, *vắng mặt*.

HKTT, trú tại: Thôn 3, xã Q P, huyện H H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Kỳ P, sinh ngày 19/8/2009; HKTT, trú tại: Thôn A T, xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, *vắng mặt*.

Người giám hộ cho cháu P là anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L (bố, mẹ đẻ của cháu).

2. Người làm chứng: Bà Phan Thị V, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn A T, xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2020 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị L, sinh năm 1986 ở thôn 3, xã Q P, huyện H H, tỉnh Quảng Ninh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hay lừa dối, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 28/9/2009. Sau khi kết hôn chị L chuyển về gia đình nhà anh chung sống nhưng chỉ được thời gian ngắn. Trong thời gian hai bên chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, dù đã cố gắng nhưng vẫn không có tiếng nói chung nên hai bên sống ly thân nhau từ nhiều năm nay và mỗi bên tự lo cuộc sống riêng. Khi hai bên mâu thuẫn gia đình, người thân đã tích cực động viên nhưng không cải thiện được mối quan hệ tình cảm. Anh và chị L đã cho nhau nhiều cơ hội để quay lại nhưng không cải thiện được gì, nay hai bên ngồi lại nói chuyện và thống nhất không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên để anh đứng làm đơn xin ly hôn gửi tới các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Để thuận tiện cho việc giải quyết của cả hai nên anh và chị L đã thống nhất làm đơn gửi tới Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu để giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Quan điểm của chị L cho biết như sau: Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn cũng thống nhất như anh N đã trình bày. Sau khi kết hôn chị chuyển về gia đình nhà chồng chung sống nhưng chỉ được thời gian ngắn, hai bên chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2013 đến nay. Trong khoảng thời gian chung sống đến nay hai bên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, mặc dù gia đình, người thân đã tích cực động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được mối quan hệ tình cảm. Nay chị và anh N ngồi lại nói chuyện và hai bên thống nhất không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên để anh N đứng làm đơn xin ly hôn gửi tới các cơ quan có thẩm quyền. Quan điểm của chị Ngọc thể hiện qua bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 28/4/2021 xác định hai bên không còn tình cảm và không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên chị nhất trí ly hôn với anh N. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 22/6/2021 chị Ngọc thay đổi quan điểm, do hai bên không thống nhất được việc nuôi con chung nên chị không

nhất trí ly hôn với anh N nữa, mặc dù chị vẫn xác định tình cảm giữa hai bên không còn. Tại các buổi làm việc, hòa giải tiếp theo chị L được thông báo nhưng vắng mặt.

Về con chung: Anh N và chị L đều khẳng định có 01 con chung, cháu tên là Trần Kỳ P, sinh ngày 19/8/2009. Hiện nay cháu P đang ở với anh N. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác, hiện chị L cũng không mang thai. Quan điểm của cả anh N và chị L đều xác định nếu ly hôn có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nếu được nuôi con. Cháu P cho biết từ nhỏ đến nay cháu chủ yếu sống cùng bố, còn mẹ thỉnh thoảng có gọi điện hỏi thăm, khoảng 03 năm trở lại đây mẹ cháu đi làm ăn xa nên không về thăm cháu được, nay nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Ngoài ra cháu có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh N và chị L đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã A V, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy: Về quan hệ hôn nhân và các quan hệ liên quan thống nhất như anh N và chị L đã trình bày.

Qua nội dung xác minh tại Trường THCS A V cho biết: Hiện cháu Trần Kỳ P đang học tập tại trường THCS A V. Trong suốt quá trình quản lý, theo dõi của nhà trường cho thấy bố cháu (anh N) là người trực tiếp quản lý, thường xuyên hỏi han đến công việc học tập của cháu, đồng thời là người trực tiếp đóng góp đối với các khoản học phí của cháu tại nhà trường.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh N giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện.
- Chị L vắng mặt và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 - BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Phạm Thị L.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Trần Kỳ P, sinh ngày 19/8/2009 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 25/11/2021 cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh N và chị L đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa). Trong đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có đơn, quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, còn bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc anh Trần Văn N và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã A V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 28/9/2009 (theo số: 38/2009; Quyển số: 01). Do vậy quan hệ hôn nhân của anh N và chị L là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Đồng thời hai bên đều thừa nhận trong thời gian chung sống xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn dẫn tới hai bên sống ly thân nhau trong thời gian dài (từ khoảng năm 2013), mỗi người tự lo cuộc sống riêng, đến nay không còn tình cảm, mặc dù đã được gia đình, người thân động viên, hòa giải nhiều nhưng không cải thiện được. Do đó qua điểm của anh N nhất quán xin giải quyết ly hôn, còn chị L ban đầu cũng nhất trí ly hôn nhưng sau đó thay đổi quan điểm không nhất trí ly hôn nữa do hai bên không thống nhất được về việc nuôi con chung. Xét thấy hai bên không còn duy trì cuộc sống hôn nhân trong nhiều năm, không còn quan hệ tình cảm, mục đích của cuộc hôn nhân đến nay không đạt được. Do đó, cần xử cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Phạm Thị L.

[3.2] Về con chung: Anh N và chị L đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Trần Kỳ P, sinh ngày 19/8/2009 và hiện cháu đang sống cùng anh N.

- Về nuôi con chung: Quan điểm của anh N và chị L đều xác định nếu ly hôn xin được nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và đều không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của cháu P xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Xét nguyên vọng của các bên đều là chính đáng, tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế cho thấy chị L đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, bản thân cháu P đang sinh sống cùng anh N, học tập ổn định tại địa phương xã A V từ nhiều năm nay. Điều kiện hiện tại của anh N qua tài liệu cung cấp (hiện anh N là Giáo viên, đang công tác tại trường Trung cấp GTVT Miền Bắc) cho thấy đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu P. Vì vậy cần xử giao cháu Trần Kỳ P cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 25/11/2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh N và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 229 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn N được ly hôn với chị Phạm Thị L.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Trần Kỳ P, sinh ngày 19/8/2009 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị L có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo Biên lai thu số 0002630 ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/11/2021. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã A V;
- UBND xã Quảng Phong;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn